

Bản án số: 79/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24-4-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích

Bà Lê Thị Minh Khánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2023/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2023/QĐ-ST ngày 07/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/3/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 27/12/1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Người được ủy quyền nhận các văn bản tố tụng:

Bà Trần Thị Bích Ngọc, sinh năm 1971; Địa chỉ: Tổ dân phố Nông Lâm, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn L, sinh ngày 07/10/1988 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động ở nước ngoài, không rõ địa chỉ).

Nơi cư trú cuối cùng của anh L tại Việt Nam: Thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Văn H, sinh năm 1963 (vắng mặt)

- Bà Giáp Thị T, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Đều ở cùng địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai đề ngày 27/01/2023, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị và anh L được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân, khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 10/01/2011 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà anh L làm dâu, vợ chồng chung sống hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn, năm 2018 chị và anh L đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Sang Đài Loan một thời gian thì vợ thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian mâu thuẫn anh, chị nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh, chị đều xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Kể từ giữa tháng 6/2022 đến nay chị và anh L không quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý đơn xin ly hôn của anh L.

Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung là cháu Lê Hoàng T, sinh ngày 28/12/2011 và cháu Lê Quỳnh A, sinh ngày 17/7/2014. Hiện nay cháu T, cháu An đang sinh sống cùng ông bà nội. Sau khi ly hôn chị đề nghị:

Giao cháu T cho anh L chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho ông Lê Văn H, bà Giáp Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh L về Việt Nam sinh sống.

Giao cháu A cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị M trình bày: Do chị bận công việc nên không thể đến Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang để làm việc được, vì vậy chị ủy quyền cho bà Trần Thị Bích N là mẹ đẻ thay chị nhận tài liệu do Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giao và nộp các chứng cứ thay chị, chị đề nghị vắng mặt tất cả các buổi làm việc mà Tòa án triệu tập, vắng mặt tại tất cả các phiên tòa xét xử do Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang triệu tập.

Anh Lê Văn L là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H, bà Giáp Thị T trình bày: Tại biên bản làm việc ngày 24/02/2023 và 06/3/2023, ông Lê Văn H, bà Giáp Thị T là bố mẹ anh Lê Văn L cung cấp:

Về hôn nhân: Anh L, chị M được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị M về nhà ông, bà làm dâu và chung sống hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên năm 2018 anh L, chị M cùng đi Đài Loan lao động. Sau khi sang Đài Loan

một thời gian thì anh, chị phát sinh mâu thuẫn. Ông, bà có khuyên bảo anh, chị về ở với nhau để chăm sóc con cái nhưng không được.

Về con chung: Anh, chị có 02 con chung là cháu Lê Hoàng T, sinh ngày 28/12/2011 và cháu Lê Quỳnh A, sinh ngày 17/7/2014, hiện nay các cháu đang sinh sống cùng ông, bà. Ông, bà đồng ý nuôi cháu T giúp anh L trong thời gian anh L lao động tại nước ngoài. Ông, bà xác định việc nuôi cháu T, cháu A từ khi anh L, chị M đi lao động nước ngoài đến nay vừa là quyền và nghĩa vụ của ông, bà đối với các cháu nên ông, bà không yêu cầu anh L, chị M phải trích trả công sức chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu.

Ngoài ra, anh L đi lao động tại nước ngoài khi đang sinh sống cùng ông, bà tại Bảo Lộc 1, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi sang Đài Loan anh L vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Ông, bà đã thông báo cho anh L biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý giải quyết vụ án xin ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa chị M, anh L. Anh L cho biết: anh đồng ý ly hôn chị M và nhất trí nuôi con như chị M yêu cầu nhưng anh L không cung cấp cho địa chỉ nơi làm việc, nơi ở và ý kiến bằng văn bản cho Tòa án được. Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Cháu Lê Hoàng T trình bày: Cháu hiện nay đang sinh sống cùng bố và ông, bà nội. Nếu bố mẹ ly hôn cháu muốn được ở cùng bố và ông, bà nội.

Cháu Lê Quỳnh A trình bày: Cháu hiện nay đang sinh sống cùng ông bà nội. Tuy nhiên, nếu bố mẹ ly hôn cháu muốn ở cùng mẹ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Ngọc M, ông Lê Văn H, bà Giáp Thị T vắng mặt và đều đề nghị xét xử vắng mặt, anh Lê Văn L đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Nguyễn Ngọc M; biên bản lấy lời khai của ông H, bà T là bố mẹ đẻ anh Lê Văn L và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chị M, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông H, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh L không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, Điều 104; khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc M.

Xử cho chị Nguyễn Ngọc M được ly hôn anh Lê Văn L.

Về con chung: Giao cháu Lê Quỳnh A cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Giao cháu Lê Hoàng T cho anh Lê Văn L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, nhưng tạm giao cho ông Lê Văn H, bà Giáp Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh L về nước sinh sống.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ chung: Chị M không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Chị Nguyễn Ngọc M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Ngọc M khởi kiện xin ly hôn anh Lê Văn L và đề nghị giải quyết nuôi con chung. Do vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo chị M cung cấp anh Lê Văn L là bị đơn đang ở nước ngoài nhưng không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, địa chỉ cuối cùng ở Việt Nam là Thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang, chị M đề nghị Tòa án thu thập địa chỉ của anh L thông qua người thân, nhưng ông H, bà T là bố mẹ đẻ anh L không cung cấp được. Tại Công văn số 2631/QLXNC-P5 ngày 13/02/2023 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp, anh Lê Văn L, sinh ngày 07/10/1988 đã xuất nhập cảnh 03 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 29/01/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước và không có thông tin nước đến. Do đó, anh L được xác định là đang ở nước ngoài. Mặt khác, anh L là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, đây là vụ án có một bên đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt của đương sự:

[3.1] Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc M, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H, bà Giáp Thị T, những người này đều có xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị M, ông H, bà T.

[3.2] Về sự vắng mặt của bị đơn anh L: Căn cứ lời khai của nguyên đơn chị M, ông H, bà T là bố mẹ đẻ anh L, Hội đồng xét xử xác định nơi cư trú cuối cùng của anh L trước khi xuất cảnh lần gần nhất là thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc

Giang. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho anh L thông qua gia đình và đề nghị gia đình thông báo cho anh L biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa nguyên đơn là chị Nguyễn Ngọc M và bị đơn là anh Lê Văn L. Gia đình anh L cho biết anh L vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng anh L không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của anh L tại Đài Loan. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tổng đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc M và anh Lê Văn L kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 10/01/2011 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Lê Văn L.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị M, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị M, anh L chung sống hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên năm 2018 anh, chị cùng sang Đài Loan lao động. Sang Đài Loan vợ chồng vẫn chung sống hòa thuận nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Trong thời gian mâu thuẫn anh, chị đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn tình cảm nhưng không được. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện thoại khuyên bảo anh, chị bỏ qua mâu thuẫn tiếp tục về chung sống nhưng không được. Chị M xác định từ tháng 6/2022 đến nay anh, chị không còn liên lạc hỏi thăm nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Như vậy, vợ chồng chị M, anh L không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị M đối với anh L, xử cho chị Nguyễn Ngọc M được ly hôn anh Lê Văn L.

[5]. Về nuôi con chung: Chị M, anh L có 02 con chung là cháu Lê Hoàng T, sinh ngày 28/12/2011 và cháu Lê Quỳnh A, sinh ngày 17/7/2014. Hiện nay con chung đang sinh sống cùng ông H, bà T. Sau khi ly hôn chị M đề nghị Tòa án giao cháu Lê Quỳnh A cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Lê Hoàng T cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho ông H, bà T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh L về nước sinh sống.

Xét yêu cầu của chị M được trực tiếp nuôi con chung Lê Quỳnh A Hội đồng xét xử thấy: Theo Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Do vậy, yêu cầu này của chị M là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật cũng như nguyện vọng của cháu A. Nên chấp nhận yêu cầu của chị M được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu A đến khi cháu A đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu và đề nghị giao cháu Lê Hoàng T cho anh L là người trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy: Mặc dù hiện nay anh L không có ở Việt Nam để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T, tuy nhiên cháu T hiện đang ở cùng ông H, bà T là bố mẹ đẻ của anh L. Cháu T được ông H, bà T chăm sóc từ khi anh L, chị M đi lao động nước ngoài, cháu phát triển bình thường, cháu T trên 07 tuổi cũng có nguyện vọng được ở cùng bố và ông bà nội. Ngoài ra ông H, bà T đồng ý nuôi dưỡng cháu T trong thời gian anh L ở nước ngoài cho đến khi anh L về nước sinh sống, đây cũng là quyền và nghĩa vụ của ông, bà đối với cháu chưa thành niên theo quy định tại Điều 104 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, Điều 104 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị M. Giao con chung Lê Hoàng T cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nhưng tạm giao cháu T cho ông H, bà T trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trong thời gian anh L ở nước ngoài đến khi anh L về Việt Nam sinh sống là đảm bảo quyền và lợi ích về mọi mặt của cháu T và nguyện vọng của cháu T.

Sau khi ly hôn anh Lê Văn L, chị Nguyễn Ngọc M có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh L, chị M thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về tài sản, công nợ chung: Do chị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc M phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[8]. Về quyền kháng cáo:

[8.1] Chị Nguyễn Ngọc M, ông Lê Văn H, bà Giáp Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở trong nước, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[8.2] Anh Lê Văn L vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở nước ngoài, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 104, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân

và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tổ tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc M được ly hôn anh Lê Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Quỳnh A, sinh ngày 17/7/2014 cho chị Nguyễn Ngọc M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Giao cháu Lê Hoàng T, sinh ngày 28/12/2011 cho anh Lê Văn L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, nhưng tạm giao cho ông Lê Văn H, bà Giáp Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trong thời gian anh L ở nước ngoài cho đến khi anh L về nước sinh sống.

Sau khi ly hôn chị Nguyễn Ngọc M, anh Lê Văn L, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở chị M, anh L thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc M phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000852 ngày 07/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Ngọc M đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Ngọc M, ông Lê Văn H, bà Giáp Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh Lê Văn L có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử TAND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

